

CÔNG BẰNG PHÂN PHỐI: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Nguyễn Duy Lợi¹

¹ Tiến sĩ, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: loinguyen_duy@hotmail.com

Nhận ngày 30 tháng 6 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Tóm tắt: Vận dụng lý luận về công bằng phân phối của C.Mác và lý thuyết phân phối trong kinh tế học hiện đại, bài viết này nghiên cứu việc thực hiện công bằng phân phối ở một số nước Đông Á: Những thành công, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của các nước này trong thực hiện công bằng phân phối. Qua đó rút ra một số bài học kinh nghiệm nhằm thúc đẩy công bằng phân phối hơn nữa ở Việt Nam trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Công bằng phân phối, phân phối theo thu nhập, kinh nghiệm thực hiện phân phối.

1. Phân phối thu nhập theo quan điểm của chủ nghĩa Mác

Học thuyết giá trị thặng dư là hòn đá tảng của chủ nghĩa Mác, là sự kế thừa có phê phán lý luận phân phối thu nhập của các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh^(*). Trên cơ sở đó, C.Mác làm rõ bản chất của tiền công và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Học thuyết giá trị thặng dư nghiên cứu sự tồn tại và phát triển quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa để tìm ra quy luật giá trị thặng dư, quy luật tuyệt đối của xã hội tư bản và các hình thức biểu hiện của nó. C.Mác phát hiện ra một loại hàng hóa đặc biệt - hàng hóa sức lao động với hai thuộc tính căn bản là giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị của hàng hóa sức lao động được đo bằng giá trị những tư liệu sinh hoạt tối thiểu cần thiết để sản xuất, tái sản xuất sức lao động của công nhân và gia đình họ cùng với các chi phí đào tạo, các yếu tố về tinh thần, lịch sử và dân tộc... Giá trị sử dụng của hàng hóa này khi được tiêu dùng

trong quá trình sản xuất, có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của chính bản thân nó khi được mua về. Do vậy, nếu nhà tư bản trả đủ giá trị sức lao động cho công nhân dựa trên trao đổi ngang giá thì họ vẫn thu được phần giá trị dôi ra. Vì vậy, bóc lột giá trị thặng dư là bản chất của nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa. C.Mác cũng đã đề cập đến các mối quan hệ giữa phân phối với các khâu khác trong xã hội: i) Phân phối và sản xuất; ii) Phân phối và tiêu dùng; iii) Phân phối và trao đổi.

2. Lý thuyết phân phối thu nhập của các nhà kinh tế chính trị tư sản

Cùng với sản xuất và tiêu dùng, phân phối là một trong những phạm trù kinh tế chung nhất của xã hội loài người. Với tư cách như vậy, phân phối theo nghĩa chung nhất có thể được hiểu là hoạt động chia các

(*) Hai nhà kinh tế học tư sản cổ điển Anh được C.Mác kế thừa có phê phán là Adam Smith (1723 - 1790) và David Ricardo (1772 - 1823).

yếu tố sản xuất, các nguồn lực đầu vào trong một quá trình sản xuất và chia các kết quả sản xuất, các sản phẩm đầu ra trong quá trình tái sản xuất xã hội. Phân phối thu nhập xuất hiện lần đầu tiên về mặt lý luận trong công trình *Wealth of Nations* (1776) của Adam Smith và được David Ricardo (1817) hệ thống thành một lý thuyết phân phối thu nhập. Từ đó đến nay, lý thuyết phân phối thu nhập đã không ngừng phát triển với sự đóng góp, bổ sung, hoàn thiện của các học giả, các nhà kinh tế trên thế giới. Nhìn chung, lý thuyết phân phối thu nhập bao gồm: Giải thích bản chất của phân phối thu nhập; các yếu tố tác động đến quá trình phân phối thu nhập; phân tích các vấn đề nảy sinh từ kết quả của phân phối thu nhập, như bất bình đẳng kinh tế, nghèo đói, sự can thiệp của nhà nước...

Trước tiên, về bản chất, phân phối thu nhập được đặc trưng bởi ba yếu tố cơ bản: Đối tượng phân phối, chủ thể phân phối và người tiếp nhận thu nhập. Đối tượng của phân phối ở đây là phần sản phẩm xã hội mới được tạo ra trong một thời gian nhất định, và khi chúng được chuyển đến người tiếp nhận thì hình thành nên thu nhập cho người tiếp nhận. Thu nhập (income) có thể được biểu hiện dưới dạng hiện vật hoặc giá trị. Trong các lý thuyết phân phối thu nhập, thu nhập có thể được xem xét theo cách tiếp cận vi mô hoặc vĩ mô. Đối với cách tiếp cận vi mô, thu nhập mang tính cá nhân, có thể được biểu hiện bởi 4 hình thái: Tiền lương (thu nhập của lao động), địa tô (thu nhập của đất đai), lợi tức (thu nhập của vốn), lợi nhuận (thu nhập của tư bản). Trong khi đó, cách tiếp cận vĩ mô coi thu nhập là tổng thu nhập quốc dân với hai thành phần cơ bản: Tiêu dùng và tiết kiệm.

Chủ thể phân phối thu nhập là một khái niệm không thống nhất trong các lý thuyết phân phối thu nhập. Các lý thuyết phân phối

thu nhập của các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển như Adam Smith, David Ricardo hay của trường phái tân cổ điển sau này coi người nắm giữ các yếu tố sản xuất (lao động, đất đai, vốn) là chủ thể phân phối và cũng là đối tượng tiếp nhận phân phối. Lý thuyết phân phối thu nhập thuộc trường phái mácxít cho rằng, trong nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa, chủ thể phân phối chính là các nhà tư bản, những người chiếm hữu các tư liệu sản xuất. Người tiếp nhận thu nhập là những tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thông qua quá trình phân phối mà nhận được thu nhập. Theo cách tiếp cận vi mô, người tiếp nhận phải trả giá để đánh đổi được thu nhập, ví dụ như lao động bỏ sức lao động ra làm việc để nhận được tiền lương, chủ tư bản bỏ vốn kinh doanh nhận được lợi nhuận... Tuy nhiên, trong trường hợp nhà nước phúc lợi, một nhóm người có thể nhận được thu nhập do nhà nước cấp cho dưới dạng trợ cấp, bảo hiểm y tế...

Một vấn đề nảy sinh từ kết quả của quá trình phân phối thu nhập là sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội. Sự chênh lệch giàu nghèo ở mức độ như thế nào thì được coi là "bất bình đẳng"? Để hỗ trợ đo lường phân phối thu nhập nhằm xác định mức độ bất bình đẳng, các nhà kinh tế đã xây dựng và phát triển một số thang đo như đường cong Lorenz, hệ số Gini, hệ số Hoover, chỉ số Theil (Atkinson), phương sai và hệ số biến thiên trong phân phối thu nhập... Nhìn chung, mỗi thước đo đều có những ưu, nhược điểm riêng, nhưng được sử dụng phổ biến nhất hiện nay là hệ số Gini do nhà thống kê học người Ý, Corrado Gini (1912) đề xuất. Hệ số Gini được xác định một cách đơn giản bởi tỷ số giữa phần diện tích nằm giữa đường cong Lorenz và đường bình đẳng tuyệt đối với phần diện tích nằm dưới đường bình đẳng tuyệt đối. Giá trị của hệ số Gini nằm trong khoảng từ 0 đến 1, giá trị

càng cao thì mức độ bất bình đẳng càng lớn. Những quốc gia có hệ số Gini từ 0,5 trở lên thì được coi là có mức độ bất bình đẳng cao còn trong khoảng 0,2 đến 0,35 thì phân phối tương đối công bằng. Việc sử dụng hệ số Gini để phân xét một phân phối thu nhập có công bằng hay không phải hết sức thận trọng, vì thước đo này có những giới hạn nhất định. Trước tiên, trong thực tiễn nghiên cứu, do dữ liệu về thu nhập của người dân có thể được phản ánh dưới dạng thu nhập danh nghĩa hoặc chỉ tiêu nên các nhà kinh tế phân biệt 2 loại hệ số Gini: Hệ số Gini tính theo thu nhập và hệ số Gini tính theo chi tiêu. Ngoài ra, các hệ số Gini thường không phản ánh mức chênh lệch tài sản thực giữa những nhóm người dân trong quốc gia, vì nó cơ bản được xác định dựa trên thu nhập ròng. Hơn nữa, các quốc gia có cùng hệ số Gini có thể khác nhau về hình dạng của đường cong Lorenz, do đó khác nhau về mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Mặt khác, hệ số Gini suy cho cùng cũng chỉ phản ánh phần có thể định lượng được, còn những khía cạnh khác trong phân phối thu nhập liên quan đến các vấn đề công bằng xã hội, đói nghèo cần phải có những phân tích định tính hơn.

Một số quan điểm khác, tiêu biểu như Simon Kutnetz, Nicholas Kaldor đi tìm nguồn gốc sự phân hóa giàu nghèo từ quá trình tăng trưởng nhanh. Theo Kutnetz (1955), ở giai đoạn đầu của quá trình tăng trưởng kinh tế, sự phân hóa giàu nghèo diễn ra rất lớn; tuy nhiên, khi tăng trưởng kinh tế đạt đến mức độ nhất định thì khoảng cách giàu nghèo có xu hướng thu hẹp. Mối quan hệ như vậy được Kutnetz biểu diễn bởi chữ "U ngược" và được coi là quy luật phổ biến trong thời gian dài. Alesina and Rodrik (1994) nghiên cứu quan hệ phân phối và tăng trưởng kinh tế với giả thiết là bất bình đẳng gây tổn hại cho tăng trưởng. Kết quả

cho thấy: (i) Tăng trưởng được thúc đẩy bởi thay đổi về vốn theo mô hình tăng trưởng Solow; (ii) mức độ bất bình đẳng cao tạo ra áp lực chính trị đánh thuế lên vốn, đem lại lợi ích cho lao động phổ thông; (iii) thuế trên vốn cao hơn sẽ dẫn đến đầu tư thấp hơn, và do đó làm giảm tăng trưởng. Robert Barro (2000) nghiên cứu về bất bình đẳng và tăng trưởng ở một số nước. Kết quả chính cho thấy: (i) Đối với tăng trưởng, bất bình đẳng cao hơn có khuynh hướng cản trở tăng trưởng ở những nước nghèo và khuyến khích tăng trưởng ở những nước giàu; (ii) ở một mức độ thực tế, đường cong Kuznets được chấp nhận trong thập kỷ 1970.

Phần trình bày trên đã phác họa những nét chính trong bức tranh về lý thuyết phân phối thu nhập. Có thể thấy xuyên suốt bức tranh đó là sự đa dạng, thậm chí mâu thuẫn trong nhận thức, lý giải về các vấn đề phân phối thu nhập của nhiều nhà kinh tế thuộc các trường phái khác nhau. Điều này, *một mặt*, phản ánh phân phối thu nhập là một vấn đề phức tạp, liên đới cả kinh tế - chính trị và xã hội; *mặt khác*, nó còn cho thấy sự khó khăn trong việc vận dụng lý thuyết phân phối thu nhập để có được các chính sách phân phối thu nhập hợp lý. Đây cũng là sự trăn trở của các nhà hoạch định chính sách của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

3. Kinh nghiệm thực hiện phân phối ở một số nước Đông Nam Á và bài học cho Việt Nam

Đông Á chia sẻ nền tảng văn hóa chung khá lâu đời với những đặc trưng về lịch sử, văn hóa và tôn giáo tương đồng. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập trong xã hội của khu vực này ở mức ôn hòa hơn so với một số khu vực khác, như Nam Mỹ và Nam châu Phi.

Trong báo cáo về "Sự thần kỳ Đông Á" năm 1993 cho rằng, điểm chung của khu

vực Đông Á là tăng trưởng gắn với công bằng, hay nói cách khác là phân phối thu nhập ở Đông Á khá công bằng. Tuy nhiên, luận điểm này bị chỉ trích rất nhiều. Nếu không tính xuất phát điểm, từ những năm 1970 - 1995, bất bình đẳng thu nhập và tiêu dùng có xu hướng tăng, trong đó có cả Việt Nam và Trung Quốc.

Bảng 1. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

Quốc gia	Hệ số gini
Cambodia	30.76 (2012)
Lào	37.89 (2012)
Malaysia	46.26 (2009)
Philippines	43.04 (2012)
Thái Lan	37.85 (2013)
Việt Nam	37.59 (2014)
Trung Quốc	42.16 (2012)
Indonesia	39.47 (2013)

Nguồn: World Development Indicators, World Bank, tháng 4, 2017

Một số nước và vùng lãnh thổ ở Đông Á như Hàn Quốc, Đài Loan có hệ số Gini tương đối thấp, thể hiện phân phối thu nhập và tiêu dùng tương đối bình đẳng. Trái lại, các nước khác trong khu vực có mức độ bất bình đẳng khá cao, thể hiện phân phối thu nhập và tiêu dùng chưa công bằng. Phân phối thu nhập bất bình đẳng cao nhất trong số các nước này là Philippines và Trung Quốc (Xem bảng trên).

Từ bảng trên có thể thấy, với mức xuất phát điểm nói chung khá thấp, bất bình đẳng trong phân phối thu nhập bùng nổ khá mạnh ở các nước Thái Lan, Philippines; bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của Malaysia và Indonesia giảm đôi chút gần đây, song vẫn khá cao. Trung Quốc và Việt Nam có mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập khá cao.

Các nước có mức độ phân phối thu nhập tương đối bình đẳng hơn so với các nước khác phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân, đặc

biệt là việc hoạch định và thực thi các chính sách công như chính sách thuế, chính sách phân phối lại thu nhập, chính sách an sinh xã hội. Các chỉ số so sánh giữa nhóm nghèo nhất (Q1) và nhóm giàu nhất (Q5) cho thấy có sự chênh lệch khá lớn giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất cao nhất ở Malaysia, tiếp đó là ở Philippines và Singapore, rồi đến Thái Lan. Tất nhiên, nếu có thể có những số liệu điều tra toàn diện hơn, bức tranh có thể còn xám màu hơn.

Ở Indonesia, các vấn đề chính được chính phủ quan tâm là giáo dục và tạo việc làm. Trong lĩnh vực giáo dục, chính phủ, *một mặt*, chú trọng tăng cường giáo dục phổ thông; *mặt khác*, đưa ra hệ thống đào tạo quốc gia về kỹ năng hướng nghiệp. Hệ thống này có nhiệm vụ đào tạo công nhân các ngành nghề cơ bản, như thêu, hàn, sửa chữa xe hơi, xây dựng. Từ những năm 60 của thế kỷ XX, chính phủ Indonesia đã luôn tiến hành các chương trình tăng cường việc làm ở khu vực nông thôn với một phần kinh phí do ngân sách cấp và phần khác là viện trợ của nước ngoài. Mục tiêu chính của chương trình là tăng cường sản xuất lương thực, mở ra các cơ hội việc làm và tạo ra sự phân phối thu nhập công bằng hơn. Tuy nhiên, nhiều nhà kinh tế cho rằng, dân chúng ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào các chương trình của chính phủ. Do tính chất quan liêu nặng nề, những chương trình của chính phủ có thể không với tới các vùng, các nhóm dân cư. Sự có mặt của các tổ chức phi chính phủ ở những nơi bị bỏ trống này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Singapore là đất nước giàu có và có thu nhập cao, việc giảm bớt nghèo khổ, chênh lệch thu nhập lại có những điểm khác. Tăng trưởng kinh tế cao và liên tục trong nhiều thập niên đã làm cho việc xóa bỏ nghèo khổ ở đây ít nan giải hơn. Một chiến lược quan trọng nhằm làm giảm sự nghèo khổ là đầu

tư vào con người. Trong những năm gần đây, chính phủ Singapore đã có những cố gắng đáng kể để tăng kỹ năng và chất lượng của toàn bộ lực lượng lao động, coi đó như là một phần của cải cách kinh tế của chính phủ. Chi phí cho giáo dục tăng nhanh chủ yếu tập trung cho các lĩnh vực giáo dục kỹ thuật, đào tạo chuyên ngành. Mặt khác, các chính sách được áp dụng đều khuyến khích công nhân có tay nghề cao. Ở Singapore, sự can thiệp của nhà nước vào thị trường lao động và giáo dục có tác dụng tạo nên nguồn vốn nhân lực trong các hộ gia đình và cá nhân. Các biện pháp trên không trực tiếp loại bỏ mức thu nhập thấp và những bất bình đẳng về của cải. Nó chỉ giúp cho mọi cá nhân có được việc làm tốt với thu nhập xứng đáng.

Trong các nước Đông Nam Á, Thái Lan vẫn được coi là ít có sự can thiệp của chính phủ vào đời sống kinh tế hơn cả. Những năm gần đây, Thái Lan đã thành công trong việc phát triển kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, tỷ lệ sinh giảm làm cho thu nhập theo đầu người tăng ổn định. Thái Lan đã có nhiều thành tựu trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản dưới nhiều hình thức phong phú nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân chúng. Một số dịch vụ có thể kể đến như:

i/ Phúc lợi cho những người khốn cùng trong xã hội, những người rơi vào hoàn cảnh nan giải có thể được cung cấp tiền mặt, hiện vật, các chỉ dẫn hoặc tư vấn. Một chương trình quan trọng khác là giúp đỡ những người khốn cùng do hoàn cảnh kinh tế, xã hội gây ra.

ii/ Trợ giúp gia đình. Hình thức này nhằm mục đích củng cố gia đình như một đơn vị cơ bản của xã hội. Đối tượng chủ yếu là các gia đình không có khả năng tự đảm bảo được cuộc sống tối thiểu.

iii/ Phúc lợi trẻ em và thanh niên. Phúc

lợi này bao gồm các dịch vụ cho trẻ em tại gia đình khuyến khích các gia đình chăm sóc cho trẻ em lang thang cơ nhỡ bảo vệ phúc lợi cho trẻ em hư hỏng, chống bóc lột trẻ em và chăm sóc có tổ chức khi cần.

iv/ Trợ giúp việc làm và cho vay vốn, vốn được cho vay không quá 4000 бат, không tính lãi hoàn trả trong 3 năm nhằm các gia đình tự tạo việc làm.

v/ Phúc lợi chăm sóc và phục hồi chức năng cho những người tàn tật. Tham gia hoạt động này là các tổ chức chăm sóc cho người tàn tật trên 17 tuổi bị lệ thuộc không có bệnh truyền nhiễm, có khuyết tật như mù, mất khả năng về chân tay hoặc có bệnh mãn tính. Những người tàn tật còn được dạy nghề nhằm tạo khả năng tham gia vào lao động theo nguyện vọng của họ.

vi/ Trợ cấp tai nạn. Các nạn nhân có thể được hỗ trợ bằng tiền mặt, hiện vật hay dịch vụ tùy theo nhu cầu cụ thể của từng trường hợp nhằm giúp họ vượt qua tai họa ổn định cuộc sống.

Có thể nói, kinh nghiệm thực tế của các nước và lý thuyết mácxít cũng như lý thuyết kinh tế hiện đại đã chứng minh sức sống của chủ nghĩa Mác về vấn đề phân phối thu nhập và bất bình đẳng trong phân phối. Lý thuyết phân phối hiện đại cho thấy quan hệ mật thiết và tác động qua lại giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập. Tăng trưởng kinh tế không chỉ dẫn đến sự giàu có chung của đất nước, mà còn tạo điều kiện thuận lợi giúp các nhóm có thu nhập thực hiện việc xóa đói giảm nghèo. Mặt khác, không thể có tăng trưởng kinh tế bền vững nếu không áp dụng các chính sách phân phối thu nhập công bằng hơn.

Việc tăng thu nhập của đông đảo quần chúng nhân dân sẽ dẫn đến mở rộng thị trường tiêu thụ nhiều loại sản phẩm thông dụng, từ đó kích thích sản xuất phát triển. Việc chính phủ quan tâm đến giáo dục y tế

và các dịch vụ xã hội khác có tác dụng nâng cao chất lượng lao động, ổn định xã hội. Tất cả những điều này đều rất quan trọng cho quá trình phát triển sản xuất tiếp theo. Đó là những kinh nghiệm thực tế hết sức quý báu mà Đảng và Nhà nước ta cần chất lọc và áp dụng vào nền kinh tế nước nhà một cách sáng tạo và linh hoạt.

Kinh nghiệm của các nước cũng cho thấy, nếu trong hệ thống kinh tế, chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể được ưu đãi, còn kinh tế tư nhân bị chèn ép... thì cũng không thể phát triển. Vì được nhà nước bảo hộ nên sự độc quyền của kinh tế nhà nước đã làm yếu tố cạnh tranh trong nền kinh tế bị triệt tiêu. Các doanh nghiệp nhà nước thường xuyên bị thua lỗ vì họ không quan tâm đến chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất do đã có nhà nước gánh chịu "Lỗ nhà nước chịu, lãi nhà nước thu". Các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh không hiệu quả, dẫn đến thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp này thấp, không đảm bảo được mức sống tối thiểu.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phân phối trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, những yếu kém khi chúng ta rập khuôn máy móc mô hình kinh tế của Liên xô trước đây đưa ra, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành công cuộc đổi mới và từng bước khắc phục những điểm yếu. Sự công bằng trong phân phối là yếu tố thúc đẩy việc sự nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, văn hóa,... không chỉ của những người lao động, mà còn của mọi người trong xã hội. Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường trong vấn đề phân phối cần được giải quyết bằng sự phối hợp thực thi các chính sách công và một chiến lược tăng trưởng kinh tế bao trùm, có sức lan tỏa đến mọi người dân. Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta cần đặc biệt coi trọng những nội dung căn bản sau: i) Đầu tư phát triển nguồn nhân lực; ii) hình

thành tầng lớp trung lưu ngày càng lớn trong xã hội, giảm đói nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, thực hiện các chính sách phân phối thu nhập và tài sản khác một cách công bằng thông qua chính sách thuế với thuế suất không làm triệt tiêu động lực kinh doanh mà thúc đẩy, và chú ý sử dụng các công cụ của chính sách phân phối lại như trợ cấp, hỗ trợ trong chính sách an sinh xã hội, thuế thừa kế, thuế tài sản...; iii) đầu tư phát triển khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo...

Tài liệu tham khảo

- [1] David Dapcie et al. (2008), *Choosing Success: The Lessons of East and Southeast Asia and Vietnam's Future*. Cambridge, MA: Harvard Vietnam Program.
- [2] Fujimoto, Takahiro (2004), *Japan's Monozukuri Philosophy*, Nihon Keizai Shimbunsha.
- [3] Gill, I., and H. Kharas (2007), *An East Asian Renaissance: Ideas for Economic Growth*, Washington D.C. World Bank.
- [4] Jan Eeckhout and Boyan Jovanovic (2007), *Occupational Choice and Development*, NBER Working Papers, 13686.
- [5] Lucas, Robert Jr. (2000), "Some Macroeconomics for the 21st Century", *The Journal of Economic Perspectives*, vol.14, no.1, Winter, pp.159-168.
- [6] Montiel, Peter and Servén Luis (2008), "Real Exchange Rates, Saving, and Growth: Is There a Link?", *Commission on Growth and Development*.
- [7] Ngân hàng thế giới (2013), *Khởi đầu tốt nhưng chưa phải đã hoàn thành: Thành tựu ấn tượng của Việt Nam trong giảm nghèo và những thách thức mới*.
- [8] World Bank (2009), *Doing Business: Malaysia*.
- [9] World Bank (2005), *Thailand Investment Climate, Firm Competitiveness and Growth Study* as commissioned by the NESDB.
- [10] World Bank (1993), *The East Asia Miracle: Economic growth and public policy*, New York, Oxford University Press.